

Bản án số: 11/HNGĐ-ST

Ngày 21/01/2025

V/v: Tranh chấp về ly hôn và giao nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Tiến Dũng.

2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Vi Ngọc Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2024/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024 ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Trương Thị L**, sinh năm 1985.

Trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Anh **Trương Văn T**, sinh năm 1981.

Trú tại: Xóm S, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2024 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Văn T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận Kết hôn số 10 ngày do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/6/2003. Ngày 16/8/2023, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 1573 về việc thu hồi và H bỏ Giấy chứng nhận Kết hôn số 10 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/6/2003 lý do huỷ là khi làm thủ tục kết hôn chị và anh T không ký tên vào sổ đăng ký kết hôn và giấy chứng nhận kết hôn. Hiện tại giữa chị và anh Trương Văn T không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân chị L và anh T không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau. Nay chị L nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung: Giữa chị và anh T có hai con chung là Trương Thị Vân A, sinh ngày 09/11/2003 và Trương Thị Minh T1, sinh ngày 25/10/2007. Nếu ly hôn, con chung Trương Thị Vân A, sinh ngày 09/11/2003 đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con. Chị L có nguyện vọng nuôi con Trương Thị Minh T1, sinh ngày 25/10/2007 và chị không yêu cầu anh Trương Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trương Văn T vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp, hòa giải nhưng bị đơn anh T vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Kết quả xác minh tại Công an xã T, huyện Q: Trong phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, anh Trương Văn T hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm S, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Ngoài ra, anh Trương Văn T2 không có thông tin đăng ký tạm trú ở nơi nào khác.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q: Chị Trương Thị L và anh Trương Văn T không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật do ngày 16/8/2023, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 1573 về việc thu hồi và H bỏ Giấy chứng nhận Kết hôn số 10 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/6/2003. Do đăng ký kết hôn giữa hai bên không đúng quy định. Trong quá trình chung sống giữa chị Trương Thị L và Trương Văn T phát sinh mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thông qua hòa giải tại cơ sở. Hiện tại, chị Trương Thị L và Trương Văn T đã sống ly thân. Chị Trương Thị L và anh Trương Văn T có hai con chung là Trương Thị Vân A, sinh ngày 09/11/2003 và Trương Thị Minh T1, sinh ngày 25/10/2007. Cháu Trương Thị Vân A, sinh ngày 09/11/2003, đã đủ 18 tuổi trưởng thành. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị L làm đơn xin ly hôn với anh Trương Văn T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh tỉnh N: Không có thông tin xuất nhập cảnh của anh Trương Văn T, sinh năm 1981 trú tại xóm Sơn Tiến, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chấp hành đúng quy định, vắng mặt tại các buổi làm việc. Nguyên đơn chị Trương Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó cần xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên cần xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị L, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị L và anh Trương Văn T.

Về con chung: Đề nghị giao con chung Trương Thị Minh T1, sinh ngày 25/10/2007 cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trương Văn T.

Con chung Trương Thị Vân A, sinh ngày 09/11/2003 đã đủ 18 tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc chị Trương Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện đề 16/9/2024, nguyên đơn chị Trương Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn đối với anh Trương Văn T và có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Giữa chị Trương Thị L và anh Trương Văn T không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật do ngày 16/8/2023, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 1573 về việc thu hồi và H bỏ Giấy chứng nhận Kết hôn số 10, Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/6/2003. Do đăng ký kết hôn giữa hai bên không đúng quy định. Do đó, vụ án này được xác định là “Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trương Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

[1.3. Đối với bị đơn anh Trương Văn T trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện thì anh Trương Văn T vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Trương

Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa anh Trương Văn T tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên cần căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt đối với chị Trương Thị L và anh Trương Văn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Trương Văn T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị L xin được ly hôn với anh Trương Văn T. Anh Trương Văn T không trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của chị Trương Thị L. Do chị Trương Thị L và anh Trương Văn T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cần áp dụng các điều 14, 53 luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị L và anh Trương Văn T.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị L và anh Trương Văn T có hai người con chung là Trương Thị Vân A, sinh ngày 09/11/2003 và Trương Thị Minh T1, sinh ngày 25/10/2007. Cháu Trương Thị Vân A, sinh ngày 09/11/2003 đủ 18 tuổi trưởng thành chị Trương Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với Trương Thị Minh T1, sinh ngày 25/10/2007 là người chưa đủ 18 tuổi, thấy rằng: xét nguyện vọng, hoàn cảnh, điều kiện để nuôi con phát triển lành mạnh thể chất, trí tuệ nên cần giao con chung là Trương Thị Minh T1, sinh ngày 25/10/2007 cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trương Văn T. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 7, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L đối với anh Trương Văn T Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị L và anh Trương Văn T.

Về con chung: Buộc anh Trương Văn T giao con chung Trương Thị Minh T1, sinh ngày 25/10/2007 cho chị Trương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 01 năm 2025 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trương Văn T.

Anh Trương Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Trương Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Trương Thị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006204 ngày 07/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Quán Vi Tuấn